

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 275/2019/HSST
Ngày: 03- 10-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA- TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Tính

2. Ông Nguyễn Trọng Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 285/2019/TLST- HS ngày 09 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280 /2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc H - Sinh năm 1981; Nơi cư trú: N, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị O; vợ: Phạm Thị H (đã ly hôn), có 01 con: sinh năm 2009; Tiền án: Ngày 20/10/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo về tội: “Trộm cắp tài sản”; Ngày 11/02/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 4 năm tù về tội: “ Cướp tài sản”; Ngày 25/01/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 6 năm 6 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: không; Nhân thân: Tháng 3/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hội 13h30' ngày 25/01/2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa diễn ra phiên tòa xét xử các bị cáo Lê Tiến T và Phạm Ngọc H về tội: “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 40/2019/QĐXXST-HS ngày 10/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa. Đến khoảng 14h00', khi Hội đồng xét xử đang xét hỏi bị cáo T thì H bất ngờ vút bỏ dép, bỏ chạy từ bục khai báo nhảy qua hàng rào ngăn cách khu vực xét xử rồi chạy khỏi phòng xét xử qua cổng chính của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa. Ngay lúc này, tổ công tác bảo vệ phiên tòa thuộc Đội thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an thành phố Thanh Hóa đã đuổi theo để truy bắt. Sau khi chạy thoát khỏi Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, H đã chạy vào đường nhánh thuộc phường Đ, thành phố T rồi bơi qua ao, ẩn nấp vào các bụi rậm để tránh sự truy đuổi của lực lượng chức năng. Khi chạy đến N, phường Đ, thành phố T, H phát hiện thấy có một xe mô tô BKS: 36R6-5647 của anh Lê Ngọc T2, SN: 1973 (chủ nhà) đang cắm chìa khóa, dựng trước sân nên đã lấy chiếc xe làm phương tiện tẩu thoát rồi điều khiển xe mô tô đi đến nhà bạn là Bùi Việt A, SN: 1997 ở thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để xin tạm nhờ. Sau khi tạm xong, H nói với Việt A nếu có người hỏi thì trả giúp chiếc xe mô tô BKS: 36R6-5647 và xin Việt A ít tiền làm lộ phí đi đường. Cùng lúc này lực lượng chức năng có mặt, thông báo việc H là đối tượng bỏ trốn khi đang bị xét xử rồi áp giải Hòa cùng chiếc xe mô tô BKS: 36R6-5647 về trụ sở Công an thành phố Thanh Hóa để làm việc rồi bàn giao Phạm Ngọc H cho Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

Chiếc xe mô tô BKS: 36R6-5647 đã được Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Đối với Bùi Việt A, khi H đến nhà và xin tạm nhờ Việt A không hề biết H là đối tượng đang chạy trốn, cũng không hỗ trợ, giúp đỡ H trong việc bỏ trốn nên không có cơ sở xử lý hình sự.

Tại cáo trạng số 163/CT- VKSTPTH ngày 03/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội: “Trốn khi đang bị xét xử” theo quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, đề nghị HĐXX căn cứ: khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1,

khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt đối với 02 bản án trước, xử phạt bị cáo từ 11,5 năm đến 12 năm tù; Về án phí: **Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.**

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Công an thành phố Thanh hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại hay có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc H khai nhận: Hồi 14h00' ngày 25/01/2019, khi đang bị xét xử hình sự sơ thẩm về tội: “Trộm cắp tài sản”, lợi dụng sơ hở, thiếu cảnh giác của các đồng chí cảnh sát bảo vệ, bị cáo Phạm Ngọc H đã bất ngờ chạy khỏi khu vực bức khai báo, nhảy qua hàng rào ngăn cách khu vực xét xử và bỏ trốn khỏi hội trường xét xử. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Ngọc H có đủ dấu hiệu cấu thành tội: “Trốn khi đang bị xét xử”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến sự đúng đắn của hoạt động tư pháp, gây tác hại trực tiếp đến uy tín trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của lực lượng cảnh sát hỗ trợ tư pháp. Bị cáo biết rõ hành vi bỏ trốn của mình là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động bảo vệ phiên tòa của cơ quan hỗ trợ tư pháp nhưng ngang nhiên, liều lĩnh, bất chấp và xem thường pháp luật, cố ý thực hiện tội phạm trong khi đang bị xét xử về một hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra, nhằm trốn tránh việc xét xử và chấp hành án. Hành vi

của bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với mức độ nguy hiểm mà hành vi của bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Căn cứ nhân thân của bị cáo cần thiết cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn ă, hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bỏ để bị cáo là thương binh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Trong vụ án này, bị cáo còn bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù về tội : "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 16/2019/HS- PT ngày 25/01/2019 (đã được tổng hợp hình phạt trong bản số 54/ HS - ST ngày 01/3/2019) và TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù về tội : "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 54/ HS - ST ngày 01/3/2019 (đã có hiệu lực pháp luật). Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, chiếc xe mô tô BKS: 36R6-5647 đã được Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56, điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội: “Trốn khi đang bị xét xử”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc H: 24 (hai mươi tư) tháng. Tổng hợp với 10 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2019/HS- ST ngày 01/3/2019 của TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 12(mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/9/2018.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSNDTPH;
- Công an TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Nga